

Số: 44 /KH-TH.THCS

Nam Ban Lâm Hà, ngày 18 tháng 5 năm 2026

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục năm học 2026-2027

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2025-2026

1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao

1.1. Qui mô trường, lớp:

Cấp học	Trường			Lớp			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Bình quân số HS/lớp
1. Tiểu học	0	0	0	8	8	0	25,5
<i>So với năm học trước</i>	0	0	0	10	10	0	21,1
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)	0	0	0	-2	-2	0	+ 4,4
2. THCS	1	1	0	4	4	0	37,75
<i>So với năm học trước</i>	1	1	0	4	4	0	34,75
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)	0	0	0	0	0	0	+ 3
Tổng cộng:	1	1	0	12	12	0	29,6
<i>So với năm học trước</i>	1	1	0	14	14	0	25
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)	0	0	0	-2	-2	0	+ 4,6

1.2. Qui mô học sinh:

Cấp học	Số học sinh			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi
2. Tiểu học Trong đó: Trẻ 6 tuổi vào lớp 1	43	43	0	43/43
3. THCS Trong đó: HS tốt nghiệp lớp 5 vào học lớp 6	33	33	0	33/33

Đánh giá qui mô trường, lớp, học sinh: Tỷ lệ học sinh vào học đúng tuổi tỷ lệ 100%.

1.3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu:

Cấp học	Chỉ tiêu Năm học 2025-2026		Thực hiện cuối năm học 2025-2026 (Tính đến 18/5/2026)		Tỷ lệ đạt % so với kế hoạch	
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
1. Tiểu học	8	205	8	204	8	99,51%
2. THCS	4	156	4	151	4	96,79%
Tổng cộng:	12	361	12	355	12	98,33%

Đánh giá :

1.4. Thực hiện chương trình;

Thực hiện đúng, nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục. Thực hiện chương trình chi tiết theo khung thời gian 35 tuần thực học. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với cấp tiểu học và cấp THCS.

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở 3 tổ chuyên môn và tổ chức chuyên đề ở các bộ môn, trong đó chuyên đề cấp trường ở tất cả các tổ chuyên môn.

Động viên, bồi dưỡng giáo viên tham gia dự thi GVCN lớp giỏi cấp trường, kết quả 8/10 GV đạt GVCN giỏi cấp trường.

Tổ chức dạy học theo năng lực, phẩm chất của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông. Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh hoạt, khoa học, phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm, chú trọng công tác phụ đạo học sinh yếu ngay trong tiết học.

Tổ chức cuộc thi giáo dục STem, tham gia dự thi TĐTT cấp cụm xã, tỉnh.... nhằm khuyến khích giáo viên và học sinh phát huy tính sáng tạo, tăng cường sử dụng hợp lý, khai thác tối đa tác dụng của các thiết bị dạy học, phương tiện nghe nhìn, phòng học bộ môn; chủ động tự làm thiết bị dạy học.

1.5. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025:

- PCGD mầm non cho trẻ 5 tuổi: Đạt chuẩn PCGD Mầm non cho trẻ em 5 tuổi
- PCGD tiểu học: Đạt chuẩn Mức độ 2.
- PCGD THCS: Đạt chuẩn Mức độ 2.
- Xóa mù chữ: Đạt chuẩn Mức độ 2.

Đánh giá: Tổng số đối tượng trong độ tuổi 15 đến 18: Hoàn thành chương trình THCS : đạt 100 %.

1.6. Kết quả xây dựng trường chuẩn quốc gia:

Cấp học	Tổng số trường	Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia (Tính đến 18/5/2026)		Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia (Ước đến 31/7/2026)	
		Số trường	Tỷ lệ	Số trường	Tỷ lệ
Tiểu học					
THCS	0	0	0	0	0
Tổng cộng	0	0	0	0	0

Đánh giá: Cơ sở vật chất và trình độ đào tạo của giáo viên (04 GV chưa đạt chuẩn) nên chưa đạt chuẩn quốc gia.

1.7. Đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao:

- Ưu điểm:

Tổ chức và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành trong CBQL-GV-NV và học sinh toàn trường.

Nền nếp kỷ cương của học sinh giữ được sự ổn định, đa số học sinh đều ngoan và chăm học.

Đội ngũ CBQL-GV-NV học tập và ứng dụng CNTT vào quản lý, dạy học có hiệu quả.

- Tồn tại:

Tác phong của một số em học sinh còn hạn chế, không quan tâm hoặc quan tâm chưa đúng của gia đình các em.

Một số giáo viên lớn tuổi sắp nghỉ hưu và người dân tộc chưa tham gia học đại học và ứng dụng CNTT còn hạn chế.

Cơ sở vật chất của nhà trường còn khó khăn, không có nhà để xe học sinh cố định chỉ sử dụng tạm.

Trang thiết bị dạy học còn thiếu và chưa có phòng học bộ môn.

2. Tình hình thực hiện đội ngũ

2.1. Tổng số CBQL, GV, NV:

Cấp học	Tổng	CBQL			Giáo viên			Nhân viên		
		Tổng	TH	TH CS	Tổng	TH	TH CS	Tổng	TH	TH CS
TH	14	1	1	0	13	13	0	0	0	0
TH CS	14	1	0	1	8	0	8	5	0	5
Tổng	28	2	1	1	21	13	8	5	0	5

2.2. Tổng số CBQL, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đào tạo:

Cấp học	CBQL				Giáo viên			
	Tổng	Đạt chuẩn và trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Chưa đạt chuẩn theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020	Tổng	Đạt chuẩn và trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Trên chuẩn (số lượng, tỷ lệ)	Chưa đạt chuẩn theo Nghị định 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020
TH	1	1	0	0	13	9	0	4
THCS	1	1	0	0	8	8	0	0
Tổng	2	2	0	0	21	17	0	4

2.3. Tổng số lao động hưởng lương từ ngân sách:

Cấp học	Số lao động hưởng lương từ ngân sách	Định biên được giao	Tỷ lệ lao động hưởng lương từ ngân sách so với định biên	Ghi chú
Tiểu học				
THCS	28	30	28/30	
Tổng	28	30	28/30	

2.4. Giáo viên theo cấp học, theo từng bộ môn (thừa, thiếu, lý do)

Cấp tiểu học : Hợp đồng 03 giáo viên (GV tiểu học : 02; GV tiếng Anh : 01)

Cấp THCS : Hợp đồng 03 giáo viên (Vật lý : 01; Hóa : 01; Toán : 01)

2.5. Biên chế giáo viên/lớp

Cấp học	Tổng số giáo viên	Tổng số lớp	Số giáo viên/lớp	Ghi chú
Tiểu học	13	8	13/8	02 GV dạy một số tiết THCS (GDTC, Nghệ thuật)
THCS	8	4	8/4	01 GV TPT, 01 GV dạy Tin học cấp TH

3. Tình hình thực hiện cơ sở vật chất và trang thiết bị

3.1. Tổng số phòng học:

Cấp học	Tổng số phòng học	Trong đó			
		Kiên cố	Bán kiên cố	Hư hỏng, cần sửa chữa	Tạm, mượn
Tiểu học	8	8	0	0	0
THCS	4	4	0	0	0
Tổng	12	12	0	0	0

3.2. Tổng số phòng chức năng:

Các phòng chức năng	Tổng cộng	Trong đó		
		Mầm non	Tiểu học	THCS
Trong đó: + Phòng GD thể chất/nhà đa năng	0		0	0
+ Phòng vi tính	2		1	1
+ Phòng thiết bị	1			1
+ Phòng thí nghiệm Lý				0
+ Phòng thí nghiệm Hóa				0
+ Phòng thí nghiệm Sinh				0
+ Phòng truyền thống				0
+ Phòng hoạt động Đội	1			1

+ Phòng y tế học đường	1			1
+ Phòng thư viện	1			1
+ Phòng Hiệu trưởng	1			1
+ Phòng Phó hiệu trưởng	1			1
+ Phòng Giáo viên	1			1
+ Văn Phòng	1			1
+ Phòng họp (kể cả hội trường)	1			1
+ Kế toán	1			1
+ Tư vấn học đường	1			1

3.3. Trang thiết bị

3.4. Đánh giá về cơ sở vật chất và trang thiết bị

Cơ sở vật chất và trang thiết bị đủ nhu cầu tối thiểu.

4. Một số chỉ tiêu khác năm học 2025 - 2026

- Hiệu quả đào tạo:

Cấp học	Tuyển sinh	Hiệu quả đào tạo	Tỷ lệ
- Tiểu học	Tuyển sinh vào lớp 1 năm học 2021-2022	Ước hoàn thành chương trình tiểu học năm học 2025-2026	
	33	33	100%
- THCS	Tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2022-2023	Ước tốt nghiệp THCS năm học 2025-2026	
	34	34	100%

- Số HS lên lớp, lưu ban, bỏ học:

- Tiểu học:

Khối lớp	Tổng số HS	Lên lớp		Lưu ban		Bỏ học		Chuyển đi	Chuyển đến
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	43	38	88,4	5	11,6	0	0	1	1
2	46	46	100	0	0	0	0	1	1
3	37	37	100	0	0	0	0	1	0
4	45	44	97,8	1	2,2	0	0	2	0

5	33	33	100	0	0	0	0	0	0
Cộng	204	198	97,1	6	2,9	0	0	5	2

- THCS:

Khối lớp	Tổng số HS	Lên lớp		Lưu ban		Bỏ học		Chuyển đi	Chuyển đến
		SL	%	SL	%	SL	%		
6	42	42	100	0	0	0	0	0	0
7	42	42	100	0	0	0	0	0	0
8	33	33	100	0	0	0	0	0	0
9	34	34	100	0	0	0	0	0	0
Cộng	151	151	100	0	0	0	0	0	0

5. Kết quả thực hiện việc rà soát qui hoạch mạng lưới trường lớp, triển khai qui hoạch mạng lưới trường lớp đã được phê duyệt

6. Đánh giá chung

6. Đánh giá chung

Nhìn chung nhà trường đã thực hiện hoàn thành kế hoạch phát triển giáo dục năm 2025-2026. Hoàn thành các nhiệm vụ và đạt chỉ tiêu đề ra trong năm học.

6.1. Ưu điểm:

Tuyển sinh vào lớp 1 và lớp 6 đạt 100%

Đội ngũ CBQL-GV-NV đoàn kết, thực hiện nghiêm túc các quy định của ngành, quy chế của đơn vị.

Tổ chức và thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành trong CBQL-GV-NV và học sinh toàn trường.

Thực hiện đúng, nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục. Thực hiện chương trình chi tiết theo khung thời gian 35 tuần thực học. Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Triển khai thực hiện Đề án dạy và học ngoại ngữ một cách hiệu quả cho học sinh khối 9.

Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở 3 tổ chuyên môn và tổ chức chuyên đề ở các tổ chuyên môn, tổ chức chuyên đề cấp trường ở tất cả các tổ chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch, phát động thi đua, tổ chức chấm thi, nộp sản phẩm về Phòng Giáo dục cuộc thi: Nghiên cứu khoa học và KHKT.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi chưa đạt kết quả : Không có học sinh đạt HSG cấp huyện, cấp tỉnh. Học sinh tham gia HKPD đạt 02 giải khuyến khích cấp huyện.

Tổ chức dạy học phân hóa theo năng lực của học sinh dựa theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của Chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS. Giáo viên chủ động thiết kế bài giảng linh

hoạt, khoa học, phối hợp tốt giữa làm việc cá nhân và theo nhóm, chú trọng công tác phụ đạo học sinh yếu ngay trong tiết học và các tiết dạy phụ đạo trái buổi.

Giáo viên tham gia dự thi GVCN giỏi cấp trường đạt kết quả 08 giáo viên.

Tổ chức cuộc thi nghiên cứu khoa học-Khoa học kỹ thuật, tham gia dự thi TDDT cấp cụm xã, tỉnh.... nhằm khuyến khích giáo viên và học sinh phát huy tính sáng tạo, tăng cường sử dụng hợp lý, khai thác tối đa tác dụng của các thiết bị dạy học, phương tiện nghe nhìn, phòng học bộ môn: chủ động tự làm thiết bị dạy học.

6.2. Tồn tại, hạn chế:

Công tác dạy học của một vài giáo viên còn chưa thực sự sát đối tượng học sinh. Tỷ lệ học sinh chưa chuyên cần trong học tập và rèn luyện còn cao ở một số lớp.

Còn giáo viên chưa đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ.

CSVC còn thiếu quá nhiều so với quy định.

Chất lượng hai mặt giáo dục còn thấp so với yêu cầu.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026-2027

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

Căn cứ nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Lâm Hà lần thứ VII, Đại hội tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ X, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt, học tốt”.

Căn cứ các chỉ thị, nghị quyết và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Sở Giáo dục và Đào tạo Lâm Đồng.

Căn cứ công văn số 148/KH-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Nam Ban Lâm Hà về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục năm 2026-2027.

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương (Nghị quyết của Đảng ủy xã Nam Ban Lâm Hà, kế hoạch phát triển KT-XH xã Nam Ban Lâm Hà)

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Tạo chuyển biến căn bản, toàn diện, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kết luận số 91- KL/TW, ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29- NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm

Đồng về thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng nhằm xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, có sức khỏe, năng lực, trình độ, có ý thức trách nhiệm cao với bản thân, gia đình, xã hội và Tổ quốc theo mục tiêu về giáo dục – đào tạo tại Nghị quyết Đại hội XIII, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống và lịch sử dân tộc. Nâng cao chất lượng về ứng xử văn hóa của cán bộ quản lý giáo dục và nhà giáo, nhân viên, học sinh; phát triển năng lực, hoàn thiện nhân cách, lối sống văn hóa, xây dựng văn hóa trường học lành mạnh, thân thiện.

Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, năng lực quản lý lãnh đạo cho cán bộ quản lý giáo dục các cấp đáp ứng yêu cầu của Giáo dục và Đào tạo trong bối cảnh hiện nay.

Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu về lĩnh vực giáo dục – đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Nam Ban Lâm Hà lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 đề ra.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và thực hiện việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà trường, quản lý chuyên môn, đặc biệt là hoạt động của các tổ chuyên môn.

Tiếp tục xây dựng CSVC, cảnh quan sư phạm nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh và an toàn. Tăng cường tham mưu xây dựng phòng học bộ môn, phòng thư viện, thiết bị và phòng học, các phòng hỗ trợ học tập để nâng cao hiệu quả các tiết học thực hành, thí nghiệm.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá; tăng cường công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc việc sinh hoạt chuyên môn theo hướng NCBH.

Tham gia Hội khỏe Phù Đổng các cấp nhằm nâng cao chất lượng mũi nhọn và phong trào luyện tập thể dục, thể thao trong nhà trường; Phát động học sinh tham gia nghiên cứu khoa học và có sản phẩm tham gia Hội thi Khoa học kỹ thuật cấp huyện, cấp tỉnh.

Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên về năng lực chuyên môn, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh; chú trọng đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Đội, tư vấn tâm lý, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện học sinh.

Triển khai dạy phụ đạo học sinh yếu để nâng cao chất lượng giáo dục, đẩy mạnh các hoạt động ngoại khóa, VH-VN-TDĐT.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc *học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*; cuộc vận động “*Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo*” và phong trào thi đua “*Xây dựng trường học an toàn, hạnh phúc*” bằng những nội dung, việc làm thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm và điều kiện của từng cá

nhân.

Lập kế hoạch phát triển giáo dục, huy động học sinh ra lớp đạt 100% chỉ tiêu; Tuyển sinh đúng quy chế, đảm bảo đạt 100%; Phần đầu giảm tối đa học sinh bỏ học.

Thực hiện đúng, nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục.

Tích cực ứng dụng CNTT phù hợp với nội dung bài dạy: Tăng cường đổi mới kiểm tra đánh giá hoạt động học tập của học sinh. Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT.

Xây dựng kế hoạch củng cố, duy trì kết quả đã đạt được của phổ cập giáo dục XMC xã Nam Ban Lâm Hà. Phần đầu giữ vững tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đúng độ tuổi (11 tuổi HTCT tiểu học) tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS đạt 96% trở lên.

Giáo dục học sinh về truyền thống đạo lý người Việt Nam, truyền thống tôn sư trọng đạo, uống nước nhớ nguồn, truyền thống tự lực tự cường của dân tộc. Xây dựng cho học sinh ý thức thực hiện kỉ cương, nề nếp trong các tiết học, trong các hoạt động tập thể. Ý thức thực hiện tốt các hành vi đạo đức của học sinh. Ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, ý thức thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với công dân, ý thức phòng chống các tệ nạn xã hội, ý thức thực hiện luật giao thông đường bộ.

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục, tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Phần đầu không có học sinh lưu ban, có học sinh giỏi các cấp, các phong trào thi đua của học sinh đạt kết quả cao.

Xây dựng đội ngũ vững vàng về lập trường chính trị, kiên định với mục tiêu, lý tưởng cách mạng, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Giữ gìn tốt phẩm chất, đạo đức nhà giáo. Không vi phạm an toàn giao thông, tệ nạn xã hội, kế hoạch hóa gia đình. Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong các công việc được giao; chống các biểu hiện tiêu cực trong đội ngũ. Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ trong quản lí, giáo dục học sinh và chất lượng giờ dạy. Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Xây dựng một tập thể đoàn kết thực sự tạo động lực để dạy tốt- học tốt. Xây dựng tập thể nói và làm theo nghị quyết tập thể.

Kết quả giáo dục cuối năm phần đầu đạt :

*Cấp Tiểu học :

Hoàn thành xuất sắc: 10 %; Hoàn thành tốt: 20 % ; Hoàn thành : 68 %; Chưa hoàn thành: 2%

*Cấp THCS :

Xếp loại rèn luyện (Phẩm chất): Tốt: 60 %; khá: 35 % ; đạt : 5 % ; Chưa đạt : 0%.

Xếp loại học lực (năng lực): Tốt : 1%; khá: 25% ; đạt : 72% : Chưa đạt : 2%.

Lên lớp thẳng cuối năm đạt 98% trở lên. Lên lớp sau thi lại đạt: 100%.

Hoàn thành chương trình THCS đạt: 100%.

Duy trì sĩ số đạt: 99 % trở lên.

Trường phần đầu kết quả cuối năm đạt : **Hoàn thành tốt nhiệm vụ.**

3. Nội dung

3.1. Qui mô trường, lớp, học sinh (có so sánh với năm học 2025-2026)

- Số trường, lớp:

Cấp học	Trường			Lớp			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Bình quân số HS/lớp
2. Tiểu học				9	9	0	24,1
<i>So với năm học trước</i>				8	8	0	25,5
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)				+1	+1	0	-1,4
3. THCS				4	4	0	37,25
<i>So với năm học trước</i>				4	4	0	37,75
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)				0	0	0	-0,5
Tổng cộng:	1	1	0	13	13	0	28,15
<i>So với năm học trước</i>	1	1	0	12	12	0	29,60
Tỉ lệ tăng (+), giảm (-)	0	0	0	+1	+1	0	-1,45

- Số học sinh:

Cấp học	Số học sinh			
	Tổng số	Công lập	Ngoài công lập	Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi
2. Tiểu học Trong đó: Trẻ 6 tuổi vào lớp 1	46	46	0	100%

3. THCS Trong đó: HS tốt nghiệp lớp 5 vào học lớp 6	33	33	0	100%
---	----	----	---	------

3.2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục

Tiếp tục tăng cường nền nếp, kỷ cương và chất lượng, hiệu quả công tác trong nhà trường. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh. Thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành, của địa phương bằng những hoạt động thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện nhà trường, gắn với việc đổi mới hoạt động giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nâng cao năng lực của đội ngũ CBQL, GV, NV. Đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực, trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhà trường.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức kiểm tra, đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đặc biệt chú ý đến đối tượng học sinh yếu, kém. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp; từng bước thực hiện mục tiêu phân luồng học sinh sau THCS và duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên về năng lực chuyên môn, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh; chú trọng đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.

Tăng cường duy trì các hoạt động như: Nề nếp, chất lượng dạy-học, chú ý quan tâm và có kế hoạch cụ thể trong công tác quản lý giảng dạy, quản lý chỉ đạo tốt việc bồi dưỡng học sinh, học sinh tham gia thi TDTT các cấp và tiếp tục dạy phụ đạo cho học sinh yếu. Thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng chương trình GDPT 2018.

Thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động của các tổ chuyên môn, của tổng phụ trách đội, của GVCN trong công tác phối hợp với phụ huynh học sinh để giáo dục đạo đức học sinh. Thường xuyên liên hệ phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, phụ huynh học sinh ở các lớp để giáo dục học sinh một cách hiệu quả.

Thực hiện nghiêm túc công tác soạn giảng sát đối tượng, thực hiện nghiêm túc công tác ra đề, duyệt đề kiểm tra. Sau mỗi chương, mỗi nội dung cần có câu hỏi cho học sinh ôn tập ngay từ đầu.

Tham gia các Hội thi, các hoạt động do ngành phát động đạt kết quả cao: Giáo viên giỏi cấp huyện.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cho giáo viên thực hiện đúng, thực hiện tốt quy chế chuyên môn. Trọng tâm là việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học: cơ sở điểm, thực hiện phân phối chương trình, chấm trả bài và thực hiện hồ sơ sổ sách.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường nắm bắt, giúp đỡ học sinh lớp mình, làm tốt công tác duy trì sĩ số đảm bảo 100% số học sinh, phối hợp giáo viên bộ môn nâng cao chất lượng học tập cho học sinh yếu kém lớp mình.

Chuyên môn, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn tăng cường dự giờ, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện theo kế hoạch kiểm tra nội bộ đơn vị hằng tháng của nhà trường.

Tập trung thực hiện các chuyên đề đăng ký từ đầu năm. Thực hiện các chuyên đề SHCM theo cụm trường. Thực hiện dạy học theo nghiên cứu bài học. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn trên trang trường học kết nối.

Tăng cường quản lý nề nếp CBQL – GV – NV. Mở sổ theo dõi trực đầy đủ, theo dõi thi đua từng buổi học.

Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

Tổng phụ trách Đội tổ chức các hoạt động ngoại khóa thu hút học sinh tham gia, xây dựng đội tự quản, lớp trực tuần thực hiện vệ sinh môi trường hằng ngày; Tiếp tục thực hiện các phong trào thi đua do Hội đồng đội xã phát động.

3.3. Xây dựng trường chuẩn quốc gia và công tác phổ cập giáo dục

Tham mưu xây dựng CSVC trường lớp theo hướng đạt chuẩn Quốc gia.

3.4. Xây dựng đội ngũ

Xây dựng đội ngũ đạt chuẩn 100% theo quy định.

Nâng cao năng lực của đội ngũ CBQL, GV, NV. Đề cao tinh thần đổi mới và sáng tạo trong quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tập trung đổi mới phong cách, nâng cao hiệu quả việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực, trách nhiệm của mỗi thành viên trong nhà trường.

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực; đổi mới nội dung, phương thức kiểm tra, đánh giá học sinh nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và rèn luyện phương pháp tự học, tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn, đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đặc biệt chú ý đến đối tượng học sinh yếu, kém. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh theo chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp; từng bước thực hiện mục tiêu phân luồng học sinh sau THCS và duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục THCS.

Phát huy vai trò của đội ngũ giáo viên về năng lực chuyên môn, kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh; chú trọng đổi mới sinh hoạt chuyên môn; nâng cao vai trò của giáo viên chủ nhiệm lớp, của tổ chức Đoàn, Đội, gia đình và cộng đồng trong việc quản lý, phối hợp giáo dục toàn diện cho học sinh.

3.5. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tiếp tục tham mưu đầu tư xây dựng CSVC trường lớp, đầu tư trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới 2018. Theo quy định tại thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020; Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/4/2019; Thông tư số 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020; Thông tư số 44/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020.

3.6. Thực hiện chính sách dân tộc

Thực hiện đúng chế độ, chính sách đối với học sinh dân tộc.

4. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Thực hiện tốt hơn nữa các hoạt động của các tổ chuyên môn, của tổng phụ trách đội, của GVCN trong công tác phối hợp với phụ huynh học sinh để giáo dục đạo đức học sinh. Thường xuyên liên hệ phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh, phụ huynh học sinh ở các lớp để giáo dục học sinh một cách hiệu quả.

Thực hiện nghiêm túc công tác soạn giảng sát đối tượng, thực hiện nghiêm túc công tác ra đề, duyệt đề kiểm tra. Sau mỗi chương, mỗi nội dung cần có câu hỏi cho học sinh ôn tập ngay từ đầu. Thực hiện nghiêm túc dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng bộ môn, tăng cường công tác ứng dụng CNTT vào dạy học.

Tham gia các Hội thi, các hoạt động do ngành phát động đạt kết quả cao: Giáo viên giỏi cấp huyện.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn cho giáo viên thực hiện đúng, thực hiện tốt quy chế chuyên môn. Trọng tâm là việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; cơ sở điểm, thực hiện phân phối chương trình, chấm trả bài và thực hiện hồ sơ sổ sách.

Giáo viên chủ nhiệm tăng cường nắm bắt, giúp đỡ học sinh lớp mình, làm tốt công tác duy trì sĩ số đảm bảo 100% số học sinh, phối hợp giáo viên bộ môn nâng cao chất lượng học tập cho học sinh yếu kém lớp mình.

Chuyên môn, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn tăng cường dự giờ, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra toàn diện theo kế hoạch kiểm tra nội bộ đơn vị hàng tháng của nhà trường.

Tập trung thực hiện các chuyên đề đăng ký từ đầu năm. Thực hiện các chuyên đề SHCM theo cụm xã. Thực hiện sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

Không

2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo việc tổ chức các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

3. Đối với UBND xã:

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học cho nhà trường.

4. Đối với Phòng Văn hóa – Xã hội:

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo việc tổ chức các chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Đề xuất các cấp đầu tư xây dựng CSVC và trang thiết bị dạy học cho trường TH&THCS CillCus./.

Nơi nhận:

- UBND xã Nam Ban Lâm Hà (báo cáo)
- Phòng VH-XH(báo cáo)
- Lưu: VT

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Lâm

PHÊ DUYỆT CỦA UBND XÃ NAM BAN LÂM HÀ

1. Số liệu theo chỉ tiêu được giao và thực hiện (tính tại thời điểm đầu năm học 1/10/2025)

	Chỉ tiêu được giao												Thực hiện (tính tại thời điểm 1/10/2025: đầu năm học)											
	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Cộng		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Cộng					
	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp	Hsinh	Lớp				
Trường chính	45	1	43	1	34	1	34	1	4	45	1	43	1	34	1	34	1	156	4					
Cộng	45	1	43	1	34	1	34	1	4	45	1	43	1	34	1	34	1	156	4					

2. Số liệu tại thời điểm lập kế hoạch, tăng giảm so với đầu năm 2025-2026

	Số lượng giảm so với đầu năm học																			
	Tại thời điểm lập kế hoạch (18/5/2026)						Số lượng giảm so với đầu năm học													
	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Cộng		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Cộng	
Trường chính	42	1	43	1	33	1	34	1	4	0	3	0	1	1	1	1	0	1	4	0
Cộng	42	1	43	1	33	1	34	1	4	0	3	0	1	1	1	0	1	4	0	

3. Phân tích số liệu học sinh tăng - giảm so (Chuyển đi, chuyển đến, bỏ học), tại thời điểm lập kế hoạch

	Học sinh giảm so với đầu năm					Số lượng học sinh chuyển đến					Số lượng học sinh bỏ học				
	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Cộng	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Cộng	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Cộng
Trường chính	3	0	1	0	4	0	0	0	0	0	3	0	1	0	4
Cộng	0	1	0	1	2	0	0	0	0	0	3	0	1	0	4

* Lưu ý:

- + Số liệu đầu năm học là số liệu báo cáo chính thức vào thời điểm 01/10/2025
- + Số lượng học sinh giảm = (Bỏ học + Chuyển đi) - Chuyển đến = (Tại thời điểm lập kế hoạch) - (đầu năm)
- + Trước khi duyệt kế hoạch : Pho to (mẫu 1, 2, 3, 4, 5) thành 5 bản gửi cho Hội đồng duyệt kế hoạch

NGƯỜI LẬP



Đàm Thị Tuyết Nhung

Nam Ban Lâm Hà, ngày 18 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI TRƯỞNG



Nguyễn Quang Lâm

UBND XÃ NAM BAN LÂM HÀ
TRƯỜNG TH&THCS CILLCUS

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC
NĂM HỌC: 2026 - 2027**

1. Kế hoạch về số lượng học sinh/lớp của các khối 6,7,8,9

	Số lượng học sinh/ lớp tại thời điểm lập kế hoạch						Dự kiến lưu ban						Kế hoạch năm học 2026 - 2027																	
	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Cộng		Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9		Cộng											
	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp										
Trường chính	42	1	42	1	33	1	33	1	34	1	151	4	0	0	0	0	0	0	0	0	33	1	42	1	41	1	33	1	149	4
Cộng	42	1	42	1	33	1	33	1	34	1	151	4	0	0	0	0	0	0	0	0	33	1	42	1	41	1	33	1	149	4

2. Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2026 - 2027

Tên trường Tiêu học	Năm học 2025-2026		Năm học 2026-2027		Trong đó chia ra				Ghi chú
	Dự kiến TNTH		Dự kiến T.Sinh		Phân trường		Trường chính		
	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	HS	Lớp	
Trường TH &THCS CILLCUS	33	1	33	1	0	0	33	1	Dự kiến chuyển đi sau khi tuyển sinh L6 (Chuyển đi nơi khác, nội trú...)
Cộng	33	1	33	1	0	0	33	1	Chuyển đi
									Chuyển đến
									0
									0

Nam Ban Lâm Hà, ngày 18 tháng 5 năm 2026

NGƯỜI LẬP



Đàm Thị Tuyết Nhung

Ý KIẾN CỦA UBND XÃ NAM BAN LÂM HÀ

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quang Lâm

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NĂM HỌC 2026 - 2027 (CẤP THCS)
(Kế hoạch nhân sự)

1. Tình hình thực hiện năm học 2025 - 2026

Hạng trường	Tổng số lớp	Tổng số học sinh	Tổng số CB-GV-CNV		Đội ngũ CBQL-GV-CNV																				
			CBQL		Văn phòng, phục vụ, bảo vệ						Giáo viên														
			Tổng số		Kế toán		Văn thư		Thư viện		Thiết bị		Y tế		Bảo vệ, tạp vụ		Đoàn đội								
2	13	151	14	1	BC	HĐ	2	3	BC	HĐ	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	1	0	1	5	2

2. Đội ngũ CBQL-GV-NV 2026-2027

TS:CB-GV-N	CBQL	Cộng	Kế toán	Văn thư	Thư viện	Thiết bị	Y tế	Tạp vụ	Bảo vệ	GV đoàn đội		Giáo viên
										BC	HĐ	
14	1	5	1	1	1	0	1	0	1	BC	HĐ	7

3. Nhu cầu cần bổ sung CBQL-GV-NV năm học 2026-2027

Tổng số CBQL-GV-NV	CBQL	Cộng	Kế toán	Văn thư	Thư viện	T.bị	Tạp vụ	Y tế	Bảo vệ	GV đoàn đội		Giáo viên
										BC	HĐ	
4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	BC	HĐ	4

*** Trong đó nhu cầu cần bổ sung giáo viên theo từng môn**

Văn	Toán	Tin học	Mỹ thuật	Thê dục	TĐ-DDD	Sinh-TĐ	Sư-CD
0	1	0	1	0	0	1	0

Sinh	Nhạc	Mỹ thuật	Thê dục	TĐ-DDD	TĐ-Sinh
0	0	1	0	0	0

Địa	Sinh-NN	Sinh-Hoà	Sinh-TĐ	Sư-CD
0	0	0	0	0

Nam Ban Lâm Hà, ngày 18 tháng 5 năm 2026

TRƯỜNG



Nguyễn Quang Lâm

UBND XÃ NAM BAN LÂM HÀ
 TRƯỜNG TH&THCS CILLCUS **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC (CẤP THCS)**
NĂM HỌC 2026 - 2027

1-Thuyết minh về số tiết thực dạy + kiểm nhiệm

TT	Môn	Số tiết theo qui định					Số lớp (năm học 2026 - 2027)					Số tiết thực dạy/ tuần					Ghi chú
		Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Cộng	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Cộng	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Cộng	
1	Toán	4	4	4	4	16	1	1	1	1	4	4	4	4	4	16	
2	Văn	4	4	4	4	16	1	1	1	1	4	4	4	4	4	16	
3	KHTN	4	4	4	4	16	1	1	1	1	4	4	4	4	4	16	
4	Anh văn	3	3	3	3	12	1	1	1	1	4	3	3	3	3	12	
5	LS - ĐL	3	3	3	3	12	1	1	1	1	4	3	3	3	3	12	
6	GDCD	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4	
7	GDTC	2	2	2	2	8	1	1	1	1	4	2	2	2	2	8	
8	Nghệ thuật	2	2	2	2	8	1	1	1	1	4	2	2	2	2	8	
9	Công nghệ	1	1	1.5	1.5	5	1	1	1	1	4	1	1	1.5	1.5	5	
10	TN-HN	3	3	3	3	12	1	1	1	1	4	3	3	3	3	12	
11	GDĐP	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4	
12	Tin học	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4	1	1	1	1	4	
13	Chủ nhiệm	4	4	4	4	16	1	1	1	1	4	4	4	4	4	16	
Cộng		33	33	33.5	33.5	124	5	5	6	5	21	33	93	96	94.5	133	

2- Dự kiến số tiết lao động bình quân GV: 18.75 tiết/tuần

Thư kí hội đồng: 2 tiết/tuần

Tổng phụ trách (trường hạng II): dạy 6 t/tuần

Số tiết kiểm nhiệm của tổ trưởng: 1 tổ x 3 tiết / tuần: 3 tiết/tuần

Số tiết kiểm nhiệm của tổ phó CM: 1 tiết/tuần

Tư vấn học sinh: 4 tiết/tuần

Phụ trách CNTT: 3 tiết/tuần

Giáo vụ: 4 tiết/tuần

*Tổng số tiết toàn trường / tuần:	150
--	------------

(Bao gồm tiết thực dạy + tiết kiểm nhiệm)

Nam Ban Lâm Hà, ngày 18 tháng 5 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC VÀ
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
CILLCUS
 UBND XÃ NAM BAN LÂM HÀ

Nguyễn Quang Lâm

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁO DỤC NH 2025-2026, KẾ HOẠCH PTGD NĂM HỌC 2026-2027
Cấp học: Tiểu học

TT	Trường	Học sinh Tiểu học		HS lớp 1 / lớp			HS lớp 2 / lớp			HS lớp 3 / lớp			HS lớp 4 / lớp			HS lớp 5 / lớp			Tổng số CB - CNV							Tổng số phòng học								
		Tổng số	Số học 2 buổi	Tổng số	Hệ khác	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Hệ khác	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Hệ khác	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Hệ khác	Công lập	Hệ khác	Lãnh đạo quản lý	GV/PGD			Giáo viên	Tư vấn học sinh		Hiệu trưởng	Thư viện, quan tri công sở	Vào thư viện, thư viện	Hỗ trợ phục vụ				
																					Tổng số	Đạt chuẩn	Biên chế								Tổng phụ trách Dạy	Giáo viên		
a	Hàng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
I	TH 25-26	204	204	204	0	43	43	0	46	46	0	37	37	0	45	45	0	33	33	0	14	1	13	0	7	10	0	0	0	0	0	0	0	8
	KH 26-27	217	217	217	0	51	51	0	38	38	0	46	46	0	38	38	0	44	44	0	15	1	14	0	9	10	0	0	0	0	0	0	0	9
Tổng cộng	TH 25-26	204	204	204	0	43	43	0	46	46	0	37	37	0	45	45	0	33	33	0	14	1	13	0	7	10	0	0	0	0	0	0	0	8
	KH 26-27	217	217	217	0	51	51	0	38	38	0	46	46	0	38	38	0	44	44	0	15	1	14	0	9	10	0	0	0	0	0	0	0	9

Ghi chú:

+ Các số liệu thực hiện lấy theo số liệu thực tế tại thời điểm xây dựng kế hoạch.

+ Các đơn vị không tự ý thay đổi biểu mẫu.



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIÁO DỤC NH 2025-2026, KẾ HOẠCH PTGD NĂM HỌC 2026-2027
Cấp học: Trung học cơ sở

TT	Trường	HS THCS / lớp			HS lớp 6 / lớp			HS lớp 7 / lớp			HS lớp 8 / lớp			HS lớp 9 / lớp			Tổng số CB - CNV										Tổng số phòng học					
		Tổng số	Tđ. học 2 buổi	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác	Tổng số	Công lập	Hệ khác	Lãnh đạo, quản lý	Tổng số	Trên chuẩn	Dạt chuẩn	Biên chế	Tổng phụ trách Đội	Thiết bị, thí nghiệm	Giáo vụ	Tư vấn học sinh		Hồ trợ giáo dục khuyết tật	Thư viện, quan tri công sở	Văn thư, thu quỹ, kế toán	Hỗ trợ phục vụ	
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	27	28	29	30	31	32
I	Trường Cillicus	151	151	151	0	42	42	0	42	42	0	33	33	0	34	34	0	13	1	7	0	8	5	1	0	0	0	1	2	1	4	
																																26-27
Tổng cộng		151	151	151	0	42	42	0	42	42	0	33	33	0	34	34	0	13	1	7	0	8	5	1	0	0	1	2	1	4		

Ghi chú:

+ Các số liệu thực hiện lấy theo số liệu thực tế tại thời điểm xây dựng kế hoạch.

+ Các đơn vị không tự ý thay đổi biểu mẫu.



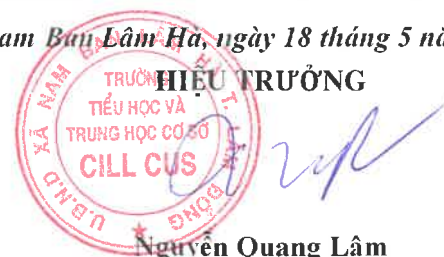
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TIỂU HỌC

Năm học: 2026-2027

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025-2026 (số liệu cuối năm học 2025-2026 (18-5-2026); dân số năm 2026)			Kế hoạch năm 2026-2027		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Công lập	Hệ khác		Công lập	Hệ khác
A/ DAN SỐ	<i>người</i>						
- Dân số 6 tuổi	<i>người</i>	43	3	0	46	46	0
- Dân số 6-10 tuổi	<i>người</i>	204	204	0	216	216	0
B/ PHÁT TRIỂN NGÀNH HỌC							
1/ Trường							
Số trường Tiểu học	Trường						
Trong đó : - Trường đạt chuẩn QG	Trường						
- Trường có lớp dạy 2 b/ngày	Trường						
2/ Lớp							
2.1/ Tổng số lớp	lớp	8	8	0	9	9	0
Trong đó :							
Chi tiết theo khối lớp							
+ Số lớp 1	lớp	2	2	0	2	2	0
+ Số lớp 2	lớp	2	2	0	2	2	0
+ Số lớp 3	lớp	1	2	0	2	2	0
+ Số lớp 4	lớp	2	2	0	1	1	0
+ Số lớp 5	lớp	1	2	0	2	2	0
2.2/ Số lớp dạy 2 buổi/ ngày		8	8	0	9	9	0
Trong đó:							
+ Số lớp dạy 9-10 buổi/tuần	lớp	8	8	0	9	9	0
+ Số lớp dạy 7-8 buổi/tuần	lớp	0	0	0	0	0	0
2.3/ Số lớp học ngoại ngữ	lớp	8	8	0	9	9	0
Trong đó							
Số lớp học TA theo Đề án NN 2020	lớp						
3/ Học sinh							
3.1/ Tổng số	Học sinh	204	204	0	217	217	0
a/ Chi tiết học sinh theo khối lớp							
+ Số học sinh lớp 1	Học sinh	43	43	0	51	51	0
+ Số học sinh lớp 2	Học sinh	46	46	0	38	38	0
+ Số học sinh lớp 3	Học sinh	37	37	0	46	46	0
+ Số học sinh lớp 4	Học sinh	45	45	0	38	38	0
+ Số học sinh lớp 5	Học sinh	33	33	0	44	44	0
b/ Trong đó số học sinh:							
+ Tuyên mới vào lớp 1	Học sinh	43	43	0	46	46	0
+ Học ngoại ngữ	Học sinh	204	204	0	216	216	0
Trong đó: Học TA theo Đề n 2020	Học sinh						
+ Số HS học tin học	Học sinh	115	115	0	127	127	
+ Học 9-10 buổi/tuần	Học sinh	204	204	0	217	217	0
+ Học 7-8 buổi/tuần	Học sinh	0	0	0	0	0	0
+ Học bán trú	Học sinh	0	0	0	0	0	0
+ HS khuyết tật học hòa nhập	Học sinh	2	2	0	1	1	0
Học sinh Phổ cập GD-TH	Học sinh						

C/ TỈ LỆ PHÁT TRIỂN							
1/ Huy động HS đi học đúng độ tuổi	%	100%	100%	0	100%	100%	0
2/ Tỷ lệ lưu ban	%	0	0	0	0	0	0
3/ Tỷ lệ bỏ học	%	0	0	0	0	0	0
4/ Tỷ lệ chuyên cấp	%	100%	100%	0	100%	100%	0
5/ Hiệu quả đào tạo	%	100%	100%	0	100%	100%	0
D/ BIÊN CHẾ							
Tổng số CB,GV, nhân viên	Người	14	14		15	15	0
Trong đó :							
1/ Hiệu trưởng	Người	0	0		0	0	0
2/ Hiệu phó	Người	1	1		1	1	0
3/ Nhân viên	Người						
4/ Giáo viên trực tiếp giảng dạy	Người	13	13		14	14	0
Trong đó:							
+ Số giáo viên đạt chuẩn	Người	7	7		9	9	0
+ Số giáo viên trên chuẩn	Người	0	0		0	0	0
E/ CƠ SỞ VẬT CHẤT							
I/ Phòng học							
Tổng số phòng học	Phòng	8	8	0	9	9	0
Trong đó :							
+ Phòng học kiên cố	Phòng	8	8	0	9	9	0
Trong đó số phòng xây mới	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng bán kiên cố	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng hư hỏng nặng, cần sửa chữa	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng tạm mượn	Phòng	0	0	0	0	0	0
II/ Phòng chức năng khác							
Tổng số	Phòng						
Trong đó:							
+ Phòng GD thể chất/nhà đa năng	Phòng						
+ Phòng giáo dục nghệ thuật	Phòng						
+ Phòng vi tính	Phòng						
+ Phòng thiết bị	Phòng						
+ Phòng truyền thông và hoạt động Đội	Phòng						
+ Phòng y tế học đường	Phòng						
+ Phòng thư viện	Phòng						
+ Phòng Hiệu trưởng	Phòng						
+ Phòng Phó hiệu trưởng	Phòng						
+ Phòng Giáo viên	Phòng						
+ Văn Phòng	Phòng						
+ Phòng họp (kể cả hội trường, phòng đa năng)	Phòng						
+ Phòng khác (đơn vị ghi cụ thể tên Phòng hiện)	Phòng						
III/ Bàn ghế học sinh							
- Số chỗ ngồi đạt chuẩn (bàn ghế 2 chỗ ngồi)	chỗ ngồi	102	102	0	108	108	0
- Số chỗ ngồi chưa đạt chuẩn (bàn ghế 4 chỗ ngồi)	chỗ ngồi	0	0	0	0	0	0
F/ KINH PHÍ							
+ Tổng số ngân sách cấp	triệu đồng						
+ Tổng chi	triệu đồng						
Trong đó chi cho con người	triệu đồng						
Tỷ lệ chi con người/tổng chi	%						

Nam Bình Lâm Hạ, ngày 18 tháng 5 năm 2026



Nguyễn Quang Lâm

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ

Năm học: 2026-2027

Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025-2026 (số liệu cuối năm học 2025-2026 (18-5-2025); dân số năm 2026)			Kế hoạch năm 2026-2027		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Công lập	Hệ khác		Công lập	hệ khác
A/ DÂN SỐ	người						
* Dân số 11-14 tuổi							
B-PHÁT TRIỂN NGÀNH HỌC							
1/ Trường							
Tổng số trường	Trường	1	1	0	1	1	0
Trong đó số trường đạt chuẩn	Trường	0	0	0	0	0	0
2/ Lớp							
Tổng số lớp	lớp	4	4	0	4	4	0
Chi tiết theo khối lớp							
+ Số lớp 6	lớp	1	1	0	1	1	0
+ Số lớp 7	lớp	1	1	0	1	1	0
+ Số lớp 8	lớp	1	1	0	1	1	0
+ Số lớp 9	lớp	1	1	0	1	1	0
Số lớp dạy 2 buổi/ ngày	lớp	4	4	0	4	4	0
3/ Học sinh							
3.1/ Tổng số	Học sinh	151	151	0	149	149	0
a/ Chi tiết học sinh theo khối lớp							
+ Số học sinh lớp 6	Học sinh	42	42	0	33	33	0
+ Số học sinh lớp 7	Học sinh	42	42	0	42	42	0
+ Số học sinh lớp 8	Học sinh	33	33	0	42	42	0
+ Số học sinh lớp 9	Học sinh	34	34	0	33	33	0
b/ Trong đó số học sinh:							
+ Tuyển mới vào lớp 6	Học sinh	42	42	0	33	33	0
+ Số HS học 2 buổi/ngày	Học sinh	151	151	0	149	149	0
+ Số HS khuyết tật học hòa nhập	Học sinh	1	1		2	2	0
Học sinh Phổ cập GD	Học sinh	151	151	0	149	149	0
C/ TỈ LỆ PHÁT TRIỂN							
1 / Huy động HS đi học đúng độ tuổi	%	100	100	0	100	100	0

2/ Tỷ lệ lưu ban	%	100	100	0	100	100	0
3/ Tỷ lệ bỏ học	%	0	0	0	0	0	0
4/ Tỷ lệ tốt nghiệp THCS	%	100	100	0	100	100	0
5/ Hiệu quả đào tạo	%	100	100	0	100	100	0
D/ BIÊN CHẾ							
Tổng số CB,GV,nhân viên	Người	14	14	0	14	14	0
Trong đó :							
1/ Hiệu trưởng	Người	1	1	0	1	1	0
2/ Hiệu phó	Người						
3/ Nhân viên	Người	5	5	0	5	5	0
4/ Giáo viên trực tiếp giảng dạy	Người	8	8	0	8	8	0
Trong đó:							
+ Số giáo viên đạt chuẩn	Người	8	8		8	8	0
+ Số giáo viên trên chuẩn	Người	0	0		0	0	0
E/ CƠ SỞ VẬT CHẤT							
I/ Phòng học	Phòng	4	4	0	4	4	0
Tổng số phòng học	Phòng	4	4	0	4	4	0
Trong đó :							
+ Phòng học kiên cố	Phòng	4	4	0	4	4	0
+ Trong đó số phòng xây mới	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng bán kiên cố	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng hư hỏng nặng, cần sửa chữa	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng tạm mượn	Phòng	0	0	0	0	0	0
II/ Phòng chức năng khác							
Tổng số	Phòng	12	12	0	12	12	0
Trong đó:							
+ Phòng GD thể chất/nhà đa năng	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng vi tính	Phòng	2	2	0	2	2	0
+ Phòng thiết bị	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng thí nghiệm Lý	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng thí nghiệm Hóa	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng thí nghiệm Sinh	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng truyền thống	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng hoạt động Đội	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng y tế học đường	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng thư viện	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng Hiệu trưởng	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng Phó hiệu trưởng	Phòng	1	1	0	1	1	0

+ Phòng Giáo viên	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Văn Phòng	Phòng	0	0	0	0	0	0
+ Phòng họp (kể cả hội trường)	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng Kế toán	Phòng	1	1	0	1	1	0
+ Phòng Tư vấn học đường	Phòng	1	1	0	1	1	0
III/ Bàn ghế học sinh							
+ Số chỗ ngồi đạt chuẩn (bàn ghế 2 chỗ)	chỗ ngồi	76	76	0	75	75	0
+ Số chỗ ngồi chưa đạt chuẩn (bàn ghế 4 chỗ)	chỗ ngồi	0	0	0	0	0	0
F/ KINH PHÍ							
- Tổng thu học phí	triệu đồng						
- Tổng số ngân sách cấp	triệu đồng						
- Tổng chi (kể cả học phí)	triệu đồng						
Trong đó chi cho con người	triệu đồng						
Tỷ lệ chi con người/tổng chi	%						

Nam Ban Lâm Hà, ngày 18 tháng 5 năm 2026



Nguyễn Quang Lâm

